

THÔNG BÁO
Về việc mời chào giá thuốc cung ứng tại
Nhà thuốc Bệnh viện năm 2026-2027 lần 6 của Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09/9/2026 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 2788/QĐ-BVĐKKH ngày 14/9/2026 của Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa về việc phê duyệt danh mục thuốc cung ứng tại Nhà thuốc Bệnh viện năm 2026-2027 lần 6 của Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa.

Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung ứng thuốc tại Nhà thuốc Bệnh viện năm 2026-2027 lần 6 theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán mua sắm: Cung ứng thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện năm 2026-2027 lần 6 của Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa.
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian cung cấp hàng hóa: 12 tháng từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
5. Nguồn kinh phí: Nguồn thu dịch vụ năm 2026-2027.
6. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa – 19 đường Yersin, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
7. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: 120 ngày.
8. Yêu cầu về chào giá: Giá chào giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của Bệnh viện.
9. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 14 giờ 00, ngày 30 tháng 9 năm 2026.
10. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:
Hồ sơ chào giá gửi lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
Hồ sơ chào giá của nhà cung cấp bao gồm các tài liệu sau:
 - Bảng chào giá của nhà cung cấp
 - Bộ hồ sơ thông tin nhà cung cấp gồm:
 - + Hồ sơ pháp lý:
 - * Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
 - * Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược: Trong phạm vi kinh doanh phải ghi rõ bán buôn thuốc.
 - * Thông tin về việc đáp ứng hoặc duy trì đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt được công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và còn hiệu lực, tùy theo từng loại hình kinh doanh: GSP (Thực hành tốt bảo quản thuốc): Đối với cơ sở nhập khẩu trực tiếp thuốc; GDP (Thực hành tốt phân phối thuốc): Đối với cơ sở bán buôn thuốc; GACP (Thực hành tốt trồng trọt và thu hái cây thuốc): Đối với cơ sở nuôi trồng dược liệu; GMP (Thực hành tốt sản xuất thuốc): Đối với cơ sở sản xuất thuốc.
 - + Bộ hồ sơ thông tin sản phẩm gồm:
 - * Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy phép lưu hành sản phẩm/giấy phép nhập khẩu và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác).
 - * Một số nội dung khác: hàng hóa các đơn vị cung cấp đảm bảo đã được kê khai giá bán buôn với cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

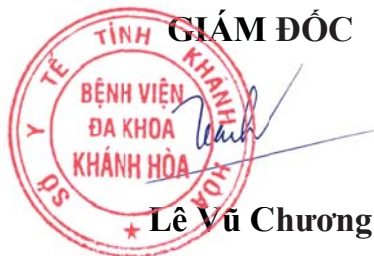
Các nhà cung cấp được lựa chọn sẽ được mời vào đối chiếu tài liệu.

Địa chỉ liên hệ: Khoa Dược, điện thoại: 0911.874.958.

Trân trọng./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Phòng TCKT;
- Tổ Pháp chế và QLĐT;
- Lưu: VT, Dược.



BẢNG CHÀO GIÁ (Dành cho nhà cung cấp)

(Kèm theo Thông báo số 4172 /TB-BVĐKKH ngày 16 tháng 9 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa)

Tên nhà cung cấp:

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng chào giá	Đơn giá chào giá	Thành tiền	Ghi chú
Tổng cộng giá chào giá															

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



4172/TB-BVĐKKH
16/09/2026 14:10:43

DANH MỤC THUỐC

(Kèm theo Thông báo số 4172 /TB-BVĐKKH ngày 16 tháng 9 năm 2026 của Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa)

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (vnđ)	Thành tiền
1	Betmiga 50 mg	Mirabegron	50mg	Viên	Uống	Vi x viên	Avara Pharmaceutical Technologies, Inc (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Delpharm Meppel B.V. (Địa chỉ: Hogemaat 2, 7942 JG Meppel, The Netherlands))	Mỹ	Viên	10.000	30.870	308.700.000
2	Bisolvon	Bromhexine hydrochloride	8 mg	Viên	Uống	Vi x viên	Công ty cổ phần Sanofi Việt Nam	Việt Nam	Viên	10.000	1.987	19.870.000
3	Bisolvon Kids	Bromhexine hydrochloride	4mg/5ml	Chai	Uống	Chai/lọ	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Việt Nam	Chai	1.500	34.775	52.162.500
4	Canesten cream	Clotrimazol	1%	Dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp	Encube Ethicals Private Limited	Ấn Độ	Tuýp	400	59.000	23.600.000
5	Cefixime 200mg	Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat)	200mg	Viên	Uống	Vi x viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	10.000	3.000	30.000.000

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (vnd)	Thành tiền
6	CREON 25000	Pancreatin (Amylase + Lipase + Protease)	300 mg tương đương (18.000 đơn vị Ph.Eur + 25.000 đơn vị Ph.Eur + 1.000 đơn vị Ph.Eur)	Viên	Uống	Vi x viên	Abbott Laboratories GmbH	Đức	Viên	15.000	13.730	205.950.000
7	Crocin 200 mg	Cefixim (dưới dạng Cefixim trihydrat)	200mg	Viên	Uống	Vi x viên	Công ty cổ phần Pympharco	Việt Nam	Viên	10.000	6.499	64.990.000
8	Efodyl	Cefuroxime (dưới dạng Cefuroxime axetil)	125 mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói	Công ty cổ phần Tập đoàn Merap	Việt Nam	Gói	15.000	6.700	100.500.000
9	Eumovate cream	Clobetasone butyrate (dưới dạng micronised)	0,05% (kI/kI)	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp	Glaxo Operations UK Limited	Anh	Tuýp	500	23.000	11.500.000
10	Floesty	Tamsulosin hydrochloride	0,4mg	Viên	Uống	Vi x viên	Synthon Hispania, S.L.	Tây Ban Nha	Viên	6.000	12.000	72.000.000
11	Humalog Mix 50/50 Kwikpen	Insulin lispro (gồm 50% dung dịch insulin lispro và 50% hỗn dịch insulin lispro protamine)	300 U/3ml (tương đương với 10,5mg)	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	Bút tiêm	Cơ sở sản xuất ống thuốc: Lilly France; Cơ sở lắp ráp, đóng gói bút tiêm Kwikpen: Eli Lilly and Company	Pháp	Bút tiêm	500	178.000	89.000.000
12	Madopar®	Benserazide + Levodopa	50 mg + 200 mg	Viên	Uống	Viên	F.Hoffmann - La Roche Ltd	Thụy Sĩ	Viên	15.000	6.300	94.500.000
13	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	0,9% (w/v)	Chai/lọ	Nhỏ mắt/nhỏ mũi	Chai/lọ	Công ty cổ phần Dược phẩm Minh Dân	Việt Nam	Chai/lọ	50.000	1.345	67.250.000

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Quy cách	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (vnd)	Thành tiền
14	Natri Clorid 0,9%	Natri clorid	72mg/8ml	Chai/lo	Nhỏ mắt/nhỏ mũi	Chai/lo	Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Chai/lo	20.000	1.320	26.400.000
15	Neo-Tergynan	Metronidazole; Neomycin sulfate; Nystatin	500mg; 65000IU; 100000IU	Viên	Đặt	Vi x viên	Sophartex	Pháp	Viên	15.000	11.880	178.200.000
16	NovoRapid FlexPen	Insulin aspart	300 U/3 ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Bút tiêm	Novo Nordisk Production S.A.S.	Pháp	Bút tiêm	500	198.000	99.000.000
17	Piracetam-Egis	Piracetam	400 mg	Viên	Uống	Viên	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Viên	10.000	1.550	15.500.000
18	Sorbitol 5g	Sorbitol	5g	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	Viên	15.000	525	7.875.000
19	StrepsilsMaxpro	Flurbiprofen	8,75 mg	Viên ngậm	Ngậm	Viên	Reckitt Benckiser Healthcare Manufacturing (Thailand) Ltd	Thái Lan	Viên	16.000	2.193	35.088.000
20	Utrogestan 200 mg	Progesterone	200 mg	Viên	Đặt/uống	Viên	Cyndeia Pharma S.L	Tây Ban Nha	Viên	15.000	14.848	222.720.000
21	Toujeo Solostar	Insulin glargine	300 (đơn vị) U/ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Bút tiêm	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	Đức	Bút tiêm	500	415.000	207.500.000
Tổng cộng: 21 khoản												
												1.932.305.500